

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2021
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hoàng;
2. Ông Ngô Văn Cường.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Quốc Trung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: không.

Ngày 06/7/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 405/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐST-HN ngày 24/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-HN ngày 16/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Tấn L, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 10, ấp N, xã V, huyện B, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 10, ấp N, xã V, huyện B, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa (nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Tấn L trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị H kết hôn năm 1991, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 07/10/2004. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, cuối năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do bị đơn không quan tâm chăm sóc

cuộc sống gia đình. Từ tháng 7 năm 2020 đến nay, vợ chồng không còn sống chung. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn.

Về con chung, nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Võ Hoài N, sinh ngày 03/10/1991, đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 30/3/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bị đơn và nguyên đơn chung sống không hạnh phúc, do nguyên đơn không quan tâm xây dựng gia đình, có quan hệ bất chính bên ngoài và chung sống như vợ chồng với phụ nữ khác. Bị đơn đã nhiều lần khuyên nhưng nguyên đơn không thay đổi. Bị đơn và nguyên đơn không còn sống chung từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý, bị đơn còn thương nguyên đơn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bị đơn thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Võ Tấn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị H; bị đơn có hiện đang cư trú tại xã N, huyện Tịnh Biên. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (gọi tắt là BLTTDS).

[2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, Hội đồng xét xử tiền Hnh xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung:

[3] Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/10/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tịnh Biên nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung từ tháng 7 năm 2020 đến nay, đồng thời cùng có lời khai thừa nhận trong thời gian sống chung, vợ chồng không hạnh phúc, các bên không quan tâm, chăm lo cuộc sống gia đình.

Bị đơn có lời khai cho rằng còn thương nguyên đơn nhưng lại vắng mặt, không tham dự phiên tòa, cho thấy bị đơn không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ, vun bồi hạnh phúc gia đình. Do đó, việc hàn gắn mâu thuẫn để cùng nhau xây dựng, chăm lo cuộc sống gia đình là không thể thực hiện được. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Con chung tên Võ Hoài N, sinh ngày 03/10/1991, đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, các đương sự cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông Võ Tấn L;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Tấn L được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

[2] Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2004, quyển số 02 ngày 07/10/2004 của Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[3] Về án phí: Ông Võ Tấn L phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2019/0005893 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên. Ông Võ Tấn L đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Tịnh Biên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS H. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm